

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Nguyễn Trung Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tôn Cát L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp V, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Tôn Cát L trình bày yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2018, anh và chị Nguyễn Thị Huyền T xác lập hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn thì anh chị sống tại ấp V, xã C, huyện M, đến tháng 9/2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị T đem con về nhà cha mẹ ruột tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm vì vậy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh L được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tôn Minh T1 sinh ngày 14/3/2019, hiện tại đang sống chung với chị T, theo đơn khởi kiện anh L yêu cầu

được nuôi con chung, sau đó anh L có lời khai thay đổi yêu cầu là chấp nhận để con chung cho chị T tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T xin xét xử vắng mặt nhưng chị T có lời khai như sau:

Vào năm 2017, chị và anh Tôn Cát L được gia đình mai mối và quen biết nhau, sau khi tìm hiểu nhau vài tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống bên gia đình anh L đến giữa năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã nhau, sống không hạnh phúc nên cuối năm 2019 chị về nhà cha mẹ ruột tại Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân thì vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay anh L xin ly hôn thì chị chấp nhận ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Tôn Minh T1 sinh ngày 14/3/2019, đang sống chung với chị, anh L yêu cầu nuôi là chị không chấp nhận, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh L ly hôn chị T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung tên Tôn Minh T1 sinh ngày 14/3/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh L và chị T không tranh chấp nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị T không tranh chấp nên không xem xét. Về án phí anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh L và chị T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tôn Cát L, chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị T.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Tôn Cát L và chị Nguyễn Thị Huyền T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/4/2018 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của anh L và chị T là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh L xin ly hôn chị T, theo lời khai của anh L và chị T thì sau khi cưới nhau năm 2018 vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay, thời gian ly thân thì vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L xin ly hôn, chị T chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh L là tự nguyện nên Tòa chấp nhận cho anh L ly hôn chị T là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Tôn Cát L và chị Nguyễn Thị Huyền T có 01 con chung tên Tôn Minh T1 sinh ngày 14/3/2019 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, anh L chấp nhận để chị T tiếp tục nuôi nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Tôn Cát L phải chịu án phí theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Tôn Cát L được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền T.

- Về con chung: Giao con tên Tôn Minh T1 sinh ngày 14/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Tôn Cát L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền

ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Tôn Cát L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019059 ngày 20/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Chánh An;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh